

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*
To: Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ *Authorized Participants Investors*

- Tên quỹ ETF/ <i>ETF name:</i>	Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/ <i>KIM GROWTH VN30 ETF</i>
- Mã chứng khoán/ <i>Securities symbol:</i>	FUEKIV30
- Tên Công ty Quản lý quỹ: <i>Fund Management company:</i>	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ <i>KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.</i>
- Tên Ngân hàng giám sát <i>Supervisory Bank:</i>	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ <i>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam</i>
- Ngày giao dịch hoán đổi/ <i>Exchange date:</i>	13/01/2023
- Đơn vị tính lô ETF/ <i>Unit:</i>	1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ <i>1 lot of ETF = 100 000 ETF shares</i>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2023
Ho Chi Minh City, January 16, 2023

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the creation basket as follow:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weight (%)</i>
I. Chứng khoán/ <i>Securities</i>			
1	ACB	1,900	6.69%
2	BID	100	0.60%
3	BVH	100	0.71%
4	CTG	500	2.08%
5	FPT	600	6.96%
6	GAS	100	1.51%
7	GVR	100	0.21%
8	HDB	1,100	2.62%
9	HPG	2,100	6.05%
10	KDH	300	1.16%
11	MBB	1,700	4.46%
12	MSN	400	5.36%
13	MWG	700	4.23%
14	NVL	500	1.07%
15	PDR	200	0.42%
16	PLX	100	0.53%
17	POW	300	0.51%
18	SAB	100	2.58%
19	SSI	700	1.94%
20	STB	1,200	4.30%
21	TCB	1,500	6.00%
22	TPB	500	1.61%
23	VCB	300	3.65%
24	VHM	800	5.92%
25	VIB	800	2.51%
26	VIC	600	4.74%
27	VJC	200	3.15%
28	VNM	600	6.90%
29	VPB	3,100	8.33%
30	VRE	600	2.47%
II. Tiền/ <i>Cash</i>			
	Tiền/ <i>Cash (VND)</i>	5,136,036	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ <i>Spread between a basket and 1 lot of ETF in value</i>	
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket value: (VND)</i>	690,950,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value per lot of ETF: (VND)</i>	696,086,036
- Giá trị chênh lệch/ <i>Spread in value: (VND)</i>	5,136,036
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ <i>Plan to reduce the spread</i>	
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ <i>With creation order:</i>	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ <i>Transfer cash component</i>
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ <i>With redemption order:</i>	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại <i>Receive cash component after subtracting tax and redemption fee</i>



Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ In case stock can be replaced by cash:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	24,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	41,450	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121.2020 TT-BTC
3	BVH	49,100	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121.2020 TT-BTC
4	FPT	80,700	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	HDB	16,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	18,250	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	MWG	42,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	SSI	19,300	SSI	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121.2020 TT-BTC
9	TCB	27,850	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	22,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
11	VIB	21,800	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
12	VPB	18,700	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các chỉ tiêu khác/ Other criteria:

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued	13/01/2023	12/01/2023	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	61,500,000	61,500,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	6,970.00	6,980.00	(10.00)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	428,092,912,746	427,693,335,765	399,576,981
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	696,086,036	695,436,318	649,718
của 1 CCQ/ per Share	6,960.86	6,954.36	6.50
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,069.86	1,066.24	3.62

(*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 12/01/2023 / Item 5 is net asset value at 12/01/2023

(**) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 11/01/2023 / Item 5 is net asset value at 11/01/2023

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company

